

C/mo N. 74 427

Vietnam
SÄUGER B.

BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
MINISTRY OF SCIENCE, TECHNOLOGY AND ENVIRONMENT

6643

SÁCH ĐỎ VIỆT NAM

PHẦN ĐỘNG VẬT

RED DATA BOOK OF VIETNAM

VOLUME 1. ANIMALS



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT
HÀ NỘI - 1992
SCIENCE AND TECHNICS PUBLISHING HOUSE
HANOI - 1992

sinh sản vào tháng 4,5. Con sơ sinh có trọng lượng 6-7 kg. Heo vòi nuôi ở vườn thú có tuổi thọ tới 30 năm.

Nơi sống và sinh thái. Heo vòi sống ở những vùng rừng ẩm rậm rạp, hoạt động kiếm ăn ở nơi rừng trống có thảm thực vật đa dạng. Sống đơn độc, thích ngâm mình trong bùn nước.

Phân bố:

- Việt Nam: Trước đây, một số tài liệu có nói đến việc săn bắt được heo vòi ở Bắc Trung Bộ và Nam Bộ.

- Thế giới: Nam Mianma, Thái Lan, Lào, Campuchia, miền Nam Malaixia đến Xumatra.

Giá trị. Heo vòi là loài thú hiếm. Sách đỏ thế giới xếp chúng vào bậc E. Giá trị khoa học là loài thú cổ nhất trong bộ ngón lẻ.

Tình trạng. Những năm gần đây, nhân dân một số vùng Gia Lai, Kon tum (Moray, Tapoc, Kon Hà Nừng), Đắc Lắc (Đắc Nông) cho biết có gặp heo vòi. Hiện trạng của heo vòi còn chưa rõ. Mức độ đe dọa: bậc E.

Đề nghị biện pháp bảo vệ. Khi phát hiện heo vòi cấm săn bắt. Cần sớm khoanh khu bảo vệ.

Tài liệu dẫn. 20, 43, 51, 58, 75.

54. TÊ GIÁC HAI SỪNG *Dicerorhinus sumatrensis* (Fischer , 1819)

Rhinoceros sumatrensis Fischer, 1819

Didermocerus sumatrensis Brooker, 1828

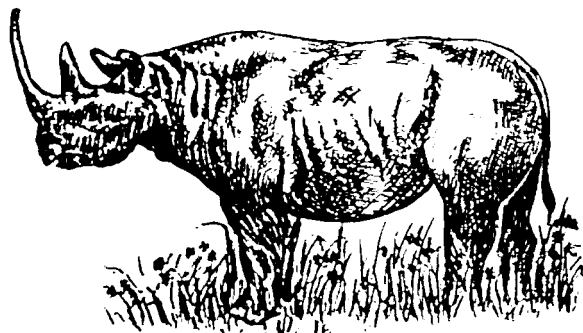
Rhinoceros lariosis Buckland, 1872

Ceratorhinus niger Gray, 1873

Họ Tê giác *Rhinocerotidae*.

Bộ Ngón lẻ *Perissodactyla*.

Mô tả. Cơ lớn. Thân hình nặng nề giống tê giác một sừng. Ngay trên mũi có hai sừng xếp theo hàng dọc. Sừng trước khoảng 150mm ở con cái, 450mm ở con đực. Sừng sau khoảng 50mm ở con cái, 150mm ở con đực. Có hai nếp gấp ở trước và sau lưng làm cho da không bị gấp nhiều như áo giáp. Chân to ngắn có 3 ngón với móng guốc hình bán nguyệt.



Sinh học. Thức ăn của tê giác hai sừng là cỏ, củ, rễ, lá cây. Sinh sản của chúng được biết rất ít. Người ta cho rằng: thời gian có chứa khoảng 16 tháng. Trọng lượng con sơ sinh khoảng 25kg.

Nơi sống và sinh thái. Nơi sống của tê giác hai sừng thường là thung lũng ẩm ướt trong rừng già ở độ cao tới 2000m so với mặt biển. Sống đơn độc, di chuyển nhanh nhẹn, vùng hoạt động cá thể rộng. Trong thiên nhiên, chúng hầu như không có kẻ thù.

Phân bố.

- Việt Nam: Khánh Hòa (Cam Ranh).

- Thế giới: Bangladesh, Mianma, nam Thái Lan, Malaixia, Bocnéo, Xumatora.

Giá trị. Thú quý hiếm. Sách đỏ thế giới xếp chúng vào bậc E. Giá trị kinh tế như tê giác một sừng.

Tình trạng. Ở Việt Nam hiện nay còn chưa phát hiện lại được tê giác hai sừng. Mức độ đe dọa: bậc E.

Đề nghị biện pháp bảo vệ. Nhập nội một số cá thể nuôi trong vườn thú, vườn Quốc gia.

Tài liệu dẫn. 20, 43, 45, 51, 58, 63, 86.

55. TÊ GIÁC MỘT SỪNG *Rhinoceros sondaicus* Desmarest, 1822

Rhinoceros inernus Lesson, 1840

Rhinoceros floweri Gray, 1867

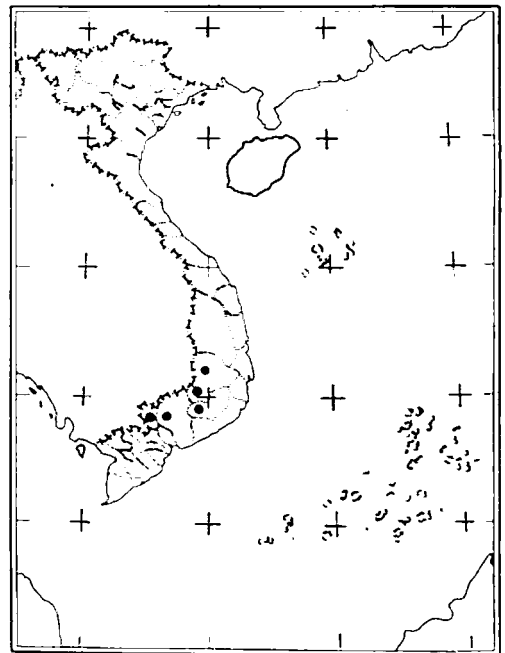
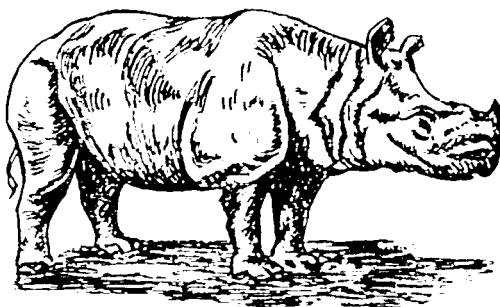
Tê giác một sừng (Việt), tây ngu (Trung bộ).

Họ Tê giác *Rhinocerotidae*.

Bộ Ngón lẻ *Perissodactyla*.

Mô tả. Cỡ lớn. Dài thân: 3000mm, dài đuôi: 600-750mm, cao 1500mm. Trọng lượng trên 2000kg. Mũi cứng. Thị giác kém phát triển. Sừng dài gần 250mm (thường chỉ có ở con đực) mọc ngay trên mũi. Sừng do lớp biểu bì da tạo thành nên không gắn liền với xương sọ, mà gắn với lớp da dày. Da dày, cứng với các nếp gấp sâu chia bề mặt da thành nhiều mảnh (giống áo giáp). Lưng và hai bên hông màu xám xám. Bụng màu hơi đỏ. Chân to, ngắn có 3 ngón với móng guốc hình bán nguyệt.

Sinh học. Thức ăn của tê giác là cỏ, củ, rễ, lá cây, kể cả cành cây nhỏ có gai. Tuổi sinh



sản 4-5 năm. Thời gian có chửa: 16-18 tháng, 3-4 năm đẻ 1 lứa, mỗi lứa đẻ 1 con.
Nơi sống và sinh thái. Tê giác sống đơn độc và lạng lẽ trong rừng già, rừng sâu kín rất ít người tới được. Nơi ở thường gần các sinh lầy ẩm ướt, thích ngâm mình trong bùn nước. Trong thiên nhiên tê giác không có kẻ thù, không cạnh tranh với các loài thú khác.

Phân bố:

- Việt Nam: Trước đây tê giác có ở Lai Châu (Mường Lay, Mường Tè), Sơn La (Sông Mã), các vùng thuộc Trung Bộ, Nam Bộ. Hiện nay có ở Đắc Lắc (Đắc Nông, Đắc Min, Easúp), Đồng Nai (nam Cát Tiên), Sông Bé (Bù Gia Mập).

- Thế giới: Đông Pakixtan, Ấn Độ, Mianma, Thái Lan, Lào, Campuchia, bán đảo Malacca, Xumatorá.

Giá trị. Thú quý hiếm, Sách đỏ thế giới xếp chúng vào bậc E. Sừng có giá trị dược liệu rất quý, là mặt hàng xuất khẩu. Da có thể dùng làm thuốc chữa rắn cắn.

Tình trạng. Số lượng tê giác ở nước ta rất ít, ước tính còn khoảng 10-15 con. Mức độ đe dọa: bậc E.

Đề nghị biện pháp bảo vệ. Tuyệt đối cấm săn bắn tê giác, trừng trị nghiêm khắc những người bán tê giác. Đưa tê giác về nuôi ở vườn thú, vườn quốc gia.

Tài liệu dẫn. 20, 45, 51, 58, 63, 86.

56. CHEO CHEO NAPU *Tragulus napu* (Cuvier, 1822)

Moschus napu Cuvier, 1822

Tragulus camelescens Miller, 1900

Tragulus versicolor Thomas, 1910

Họ Cheo cheo *Tragulidae*.

Bộ Ngón chân *Artiodactyla*.

Mô tả. Cỡ lớn hơn cheo cheo Nam Dương. Dài thân: 500-600mm, dài đuôi: 70-80mm, dài bàn chân sau: 122-128mm. Trọng lượng 4-6kg. Đầu và cổ lông màu sáng, họng và ngực có 5 dải trắng. Toàn thân lông màu xám nâu, có vết trắng bản trên lưng, con đực và cái đều không có sừng. Không có răng cửa, hai răng nanh phát triển thò ra ngoài miệng. Dạ dày 3 ngăn (thiếu ngăn lá sách).

Sinh học. Thức ăn là quả, lá cây, cỏ. Mùa sinh sản chưa xác định. Thời gian chửa 152-172 ngày. Mỗi năm đẻ 1 lứa, thường mỗi lứa 1 con.

Nơi sống và sinh thái. Sống ở rừng già, rừng thưa trên núi đất địa hình tương đối bằng. Có lẽ chúng không thích nghi núi cao. Sống đơn độc, lạng lẽ, chỉ ghép đôi trong thời kỳ động dục.

Phân bố:

- Việt Nam: Khánh Hòa (Nha Trang). Theo tài liệu điều tra (1983) có khả năng còn ở Quảng Nam - Đà Nẵng (Trà My), Quảng Ngãi (Ba Tơ), Phú Yên (Tây Sơn).

- Thế giới: Tenasserim, Siam, Thái Lan, Đông Dương, Malaixia, Bocnêo, Xumatorá, Giava.

Giá trị. Thú cổ nhất của bộ ngón chân. Nguồn gen quý hiếm của rừng nhiệt đới.

Tình trạng. Ở nước ta, hiện trạng số lượng còn chưa rõ. Mức độ đe dọa: bậc E.